

Bản án số: 35/2021/HS-ST
Ngày: 21-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Phi Hùng
2. Ông Hoàng Quốc Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36/2021/TLST- HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HS ngày 11/6/2021 đối với bị cáo:

Lê Thị N, sinh năm 1973 tại Thừa Thiên Huế.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Chỗ ở: Khu phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Tấn V và bà Trần Thị Y (đã chết); Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1980. Trú tại tổ 4, ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. “Vắng mặt”

2. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1971. Trú tại tổ 8, khu phố B, thị trấn T, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”.

- Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn N1, sinh năm 1995. Trú tại ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. “Vắng mặt”

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. Trú tại ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12 năm 2020, Lê Thị N thuê nhà mặt đường Quốc lộ 13 thuộc tổ 10, khu phố A, thị trấn T để mở quán cà phê. Do muốn thu hút nhiều khách đến với quán nên khoảng tháng 4 năm 2021, N nảy sinh ý định chứa mại dâm tại quán khi khách đến uống nước có nhu cầu mua dâm nhằm thu lợi bất chính. Giữa tháng 4 năm 2021, N quen biết với Bùi Thị H (Tên thường gọi là M), sinh năm 1980 và thỏa thuận với H về việc H đến quán của N bán dâm khi khách có nhu cầu. Hai bên thỏa thuận, giá bán dâm là 400.000đ/người/lần. Khi H bán dâm cho khách sẽ trực tiếp thu tiền và phải trả cho N số tiền 50.000đ/lần bán dâm là tiền công N gọi H đến làm và cho thuê địa điểm, số tiền còn lại là của H.

Khoảng 13 giờ ngày 21/4/2021, Lê Văn N1 cùng Nguyễn Văn T, đến quán cà phê TD để uống nước. Khi N mang 02 chai nước giải khát nhãn hiệu “Number One” ra bàn cho N1 và T. Do có nhu cầu mua dâm, nên N1 hỏi N: “Có em út gì không”, N trả lời: “Có, chờ chút”. Sau đó, N đi vào bên trong quán lấy điện thoại ra truy cập vào ứng dụng Zalo có tên tài khoản “BN” của N gọi H theo tên tài khoản “KN” để H đến phục vụ khách. N nói với H: “Có khách đi qua làm”. H nghe N nói hiểu ý nên trả lời: “Ừ”, rồi một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Atila biển kiểm soát 61F1 – 186.91 đến quán cà phê “TD”. Trong lúc này, tại quán, N thỏa thuận với N1 và T giá bán dâm là 400.000đ/người/lần thì N1 và T đồng ý. Khi H đến quán, N thông báo với H giá bán dâm và nói với H: “Khách quen vô làm đi”. H cầm bao cao su N đưa rồi dẫn N1 đi vào phòng ngủ thứ 3 (Theo hướng từ phòng khách xuống), rồi thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Sau khi H bán dâm cho N1 xong, N tiếp tục thỏa thuận với T về việc H sẽ bán dâm cho T cũng với giá 400.000đ/lần thì T đồng ý. H tiếp tục đưa T vào phòng thứ 3 để quan hệ tình dục. Khi T và H đang quan hệ tình dục, thì bị Công an huyện H bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Thu giữ khi bắt quả tang: 02 (hai) vỏ bao cao su đã bị rách, kích thước mỗi vỏ 05 x 05cm, trên vỏ bao cao su có chữ “EROS”; 02 (hai) ruột bao cao su đã qua sử dụng; 02 (hai) tờ khăn ướt; 01 (một) hộp khăn ướt có chữ “BABY Sai Gon”; 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Atila màu đỏ, biển kiểm soát 61F1 - 186.91.

- Thu giữ trên người Bùi Thị H: 01 Điện thoại di động Samsung Galaxy J4+;

- Thu giữ trên người Lê Thị N: 01 Điện thoại di động Samsung Galaxy A51 màu xanh.

- Thu giữ sau khi khám xét: 09 (chín) cái bao cao su (chưa qua sử dụng), trên vỏ bao cao su có chữ “VIP”; 04 (bốn) bao cái bao cao su (chưa qua sử dụng) trên vỏ bao cao su có chữ “Condom Hualei”; 01 (một) bao cao su có chữ “EROS”; 01 (một) bao cao su có chữ “SURE”; 08 (tám) hộp bao cao su màu vàng (chưa qua sử dụng), trên vỏ hộp có chữ “CONDOM”; 04 (bốn) hộp bao cao su màu xanh (chưa qua sử dụng), trên vỏ hộp có chữ “CONDOM”; Số tiền 1.065.000đ, trong đó có 450.000đ là tiền mua dâm của Nguyễn Văn N1 vừa trả cho Bùi Thị H; 01 ba lô màu cam; 01 (một) hộp khăn ướt có chữ “BABY Sai Gon”; 01 túi xách màu đen.

Quá trình điều tra Lê Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Thị N về tội “Chứa mại dâm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Thị N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội “Chứa mại dâm”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Thị N mức hình phạt từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng của vụ án cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lê Thị N là chủ quán cà phê “TD” thuộc tổ 10, KP.A, TT.T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Để có thêm thu nhập, N thỏa thuận với Bùi Thị H, khi nào có khách mua dâm thì N sẽ gọi H đến bán dâm, H phải trả cho N 50.000đ/lần bán dâm. Ngày 21/4/2021, Lê Văn N cùng Nguyễn Văn T đến quán của N1 để mua dâm thì N gọi điện kêu H đến bán dâm cho N1 và T. Sau khi H quan hệ tình dục với N1, khi đang quan hệ tình dục với T thì bị công an huyện H bắt quả tang.

Hành vi dùng nơi ở và quán của mình để cho người khác bán dâm, thu lợi bất chính của N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” quy định tại Điều 327 của Bộ luật hình sự. H bán dâm 02 lần cho 02 người khác nhau nên N phải chịu tình tiết phạm tội 02 lần trở lên. Cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Mặc dù biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng để thu lợi bất chính, bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật cần được nghiêm trị bằng một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình; Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; Phạm tội lần đầu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Đối với hành vi bán dâm của chị H đã bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật nên không xem xét.

Đối với hành vi mua dâm của T và N1, cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật nên không xem xét.

Đối với chị Nguyễn Thị Kim L cho bị cáo thuê nhà nhưng không biết bị cáo N sử dụng vào mục đích phạm tội nên không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 02 (hai) vỏ bao cao su đã bị rách, kích thước mỗi vỏ 05 x 05cm, trên vỏ bao cao su có chữ “EROS”; 02 (hai) ruột bao cao su đã qua sử dụng; 02 (hai) tờ khăn ướt; 02 (một) hộp khăn ướt có chữ “BABY Sai Gon”; 09 (chín) cái bao cao su (chưa qua sử dụng), trên vỏ bao cao su có chữ “VIP”; 04 (bốn) bao cái bao cao su (chưa qua sử dụng) trên vỏ bao cao su có chữ “Condom Hualei”; 01 (một) bao cao su có chữ “EROS; 01 (một) bao cao su có chữ “SURE”; 08 (tám) hộp bao cao su màu vàng (chưa qua sử dụng), trên vỏ hộp có chữ “CONDOM”; 04 (bốn) hộp bao cao su màu xanh (chưa qua sử dụng), trên vỏ hộp có chữ “CONDOM”; 01 ba lô màu cam; 01 túi xách màu đen. Đây là các vật chứng H, N dùng cho hoạt động mại dâm, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 1.065.000đ, trong đó có 450.000đ là tiền mua dâm của Nguyễn Văn N1 vừa trả cho Bùi Thị H. Đây là số tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Số tiền còn lại là 615.000đ là tiền riêng của chị H, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chị H.

- 01 Điện thoại di động Samsung Galaxy A51 màu xanh và 01 Điện thoại di động Samsung Galaxy J4+ được H và N dùng để liên lạc trong việc mua bán dâm nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Atila màu đỏ, biển kiểm soát 61F1 - 186.91 là tài sản hợp pháp của chị H, không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H nên không xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật;

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21/4/2021.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 02 (hai) vỏ bao cao su đã bị rách, kích thước mỗi vỏ 05 x 05cm, trên vỏ bao cao su có chữ “EROS”; 02 (hai) ruột bao cao su đã qua sử dụng; 02 (hai) tờ khăn ướt; 02 (một) hộp khăn ướt có chữ “BABY Sai Gon”; 09 (chín) cái bao cao su (chưa qua sử dụng), trên vỏ bao cao su có chữ “VIP”; 04 (bốn) bao cái bao cao su (chưa qua sử dụng) trên vỏ bao cao su có chữ “Condom Hualei”; 01 (một) bao cao su có chữ “EROS”; 01 (một) bao cao su có chữ “SURE”; 08 (tám) hộp bao cao su màu vàng (chưa qua sử dụng), trên vỏ hộp có chữ “CONDOM” ; 04 (bốn) hộp bao cao su màu xanh (chưa qua sử dụng), trên vỏ hộp có chữ “CONDOM”; 01 ba lô màu cam; 01 túi xách màu đen.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), 01 Điện thoại di động Samsung Galaxy A51 màu xanh và 01 Điện thoại di động Samsung Galaxy J4+.

- Trả lại cho chị Bùi Thị H số tiền 615.000đ (Sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

(Vật chứng đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0005781 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H).

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng HSNV CA tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H
- Bộ phận HSNV CA H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Lưu trữ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Hải

